

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa  
lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học; Đo đạc và Bản đồ;  
Khí tượng, thủy văn; Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết  
của Sở Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân cấp huyện/  
Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Thanh Hóa

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường: số 580/QĐ-BNNMT ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Khí tượng, thủy văn; số 642/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2025 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Tài nguyên nước; số 659/QĐ-BNNMT ngày 04 tháng 04 năm 2025 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Đo đạc và Bản đồ; số 696/QĐ-BNNMT ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 243/TTr-SNNMT ngày 22 tháng 4 năm 2025.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 33 thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học; Đo đạc và Bản đồ; Khí tượng, thủy văn; Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Thanh Hóa (có Danh mục kèm theo)<sup>1</sup>.

<sup>1</sup>Tra cứu toàn bộ nội dung của TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>.

**Điều 2.** Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp huyện, UBND cấp xã, gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để xây dựng quy trình điện tử trước ngày 12/5/2025.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các Quyết định: số 2534/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi trong lĩnh vực Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã, tỉnh Thanh Hóa; số 2873/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Khí tượng, thủy văn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường; số 3093/QĐ-UBND ngày 24/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa.

Bãi bỏ toàn bộ nội dung phần 1 Danh mục kèm theo Quyết định số 4397/QĐ-UBND ngày 16/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới; được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ trong lĩnh vực Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên & Môi trường/ Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp/UBND cấp huyện/UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa.

Bãi bỏ toàn bộ nội dung phần I, II, III Danh mục kèm theo Quyết định số 2674/QĐ-UBND ngày 26/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành/sửa đổi/bãi bỏ trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa.

Bãi bỏ toàn bộ nội dung thủ tục số thứ tự 2, 3 tại phần I Danh mục kèm theo Quyết định số 3968/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đo đạc và Bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4 QĐ;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (bản điện tử);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, HCKSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Thi**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ; KHÍ TƯỢNG, THỦY VĂN; TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN/ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TỈNH THANH HÓA**  
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Stt	Tên thủ tục hành chính (Mã hồ sơ TTHC trên Cổng DVC quốc gia)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>					
<b>I. Lĩnh vực: Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học</b>					
1	Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ. (1.008675.000.00.00.H56)	Không quá ba mươi lăm (35) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Cụ thể: - Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân về việc chấp nhận hồ sơ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định; việc yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ được thực hiện một (01) lần và thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). - Qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)	Không quy định	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về Tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy, cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

		<p>định hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn tiến hành thẩm định và trình, ban hành quyết định cấp phép: Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiến hành thẩm định và xem xét cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê mẫu vật của loài hoang dã thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ cho tổ chức, cá nhân đề nghị. Trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>			
2	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học. (1.008682.000.00.00.H56)	<p>Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiến hành thẩm định và xem xét cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học cho tổ chức, cá nhân đề nghị. Trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).</p> <p>- Qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: (<i>Dịch vụ công trực tuyến toàn trình</i>)</p>	Không quy định	<p>- Luật Đa dạng sinh học năm 2008;</p> <p>- Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học;</p> <p>- Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy,</p>

					<p>cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</li> <li>- Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT ngày 22/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn mẫu đơn đăng ký, giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học và mẫu báo cáo tình trạng bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ của cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.</li> </ul>
<b>II. Lĩnh vực: Đo đạc và Bản đồ</b>					
1	<p>Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II (1.000049.000.00.00.H56)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Về cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II: Sau thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.</li> <li>- Về gia hạn/cấp lại/cấp</li> </ul>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28 Đại Lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).</p>	<p>Chưa quy định</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018;</li> <li>- Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính</li> </ul>

		<p><i>đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II:</i> Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.</p>	<p>- Qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> (<i>Dịch vụ công trực tuyến một phần</i>)</p>		<p>phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; - Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p>
2	<p>Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ (1.011671.000.00.00.H56)</p>	<p>Ngay trong ngày làm việc hoặc theo thời gian thống nhất với bên yêu cầu cung cấp</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28 Đại Lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). - Qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> (<i>Dịch vụ công trực tuyến toàn trình</i>)</p>	<p>- Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Thông tư số 47/2024/TT-BTC ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng</p>	<p>- Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018; - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; - Nghị định số</p>

				thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ. (Cụ thể tại biểu Phụ lục đính kèm)	136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 47/2024/TT-BTC ngày 10/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ.
<b>III. Lĩnh vực: Khí tượng, thủy văn</b>					
1	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.	Tổng số ngày giải quyết: 17 ngày làm việc.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	- Luật khí tượng thủy văn năm 2015;

	(1.000987.000.00.00.H56)	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Hai (02) ngày làm việc.	tỉnh, (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa)		- Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khí tượng thủy văn;
2	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn. (1.000970.000.00.00.H56)	- Thời hạn tiến hành thẩm định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận Cấp phép: Mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	- Qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> ( <i>Dịch vụ công trực tuyến toàn trình</i> )	Không quy định	- Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn;
3	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn. (1.000943.000.00.00.H56)	Thời hạn tiến hành thẩm định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận cấp phép: Năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa) - Qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> ( <i>Dịch vụ công trực tuyến toàn trình</i> )	Không quy định	- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.
<b>IV Lĩnh vực: Tài nguyên nước</b>					
1	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (1.012500.H56)	23 ngày, cụ thể: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá).	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành



		<p>có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.</li> <li>- Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 6 ngày làm việc.</li> </ul>	<p>- Qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ:  <a href="https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a>  <i>(Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)</i></p>		<p>nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p>
2	<p>Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ  (1.012501.H56)</p>	<p>08 ngày làm việc, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.</li> <li>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, phê duyệt quyết định chấp thuận trả lại giấy phép.</li> </ul>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá).</p> <p>- Qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ:  <a href="https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a>  <i>(Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)</i></p>	<p>Không quy định</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tài nguyên nước năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</li> </ul>

3	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch (1.012502.H56)	Trong thời hạn 14 ngày. Tổ chức, cá nhân hoàn thành tờ khai và nộp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp tờ khai cho Ủy ban nhân dân cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nộp tờ khai đăng ký cho Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra nội dung thông tin, xác nhận việc đăng ký và gửi 01 bản cho tổ chức, cá nhân.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá). - Qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> ( <i>Dịch vụ công trực tuyến toàn trình</i> )	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
4	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất (1.012503.H56)	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến bằng văn bản về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất gửi tổ chức, cá nhân.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá). - Qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> ( <i>Dịch vụ công trực tuyến toàn trình</i> )	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
5	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất (1.012504.H56)	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ	- Qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> ( <i>Dịch vụ công trực tuyến toàn trình</i> )	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
6	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối	26 ngày, cụ thể:		Không quy định	

	<p>với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền (1.012505.H56)</p>	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>- Thời hạn thẩm định: Trong thời hạn 21 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ.</p> <p>- Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi được bổ sung hoàn chỉnh là 15 ngày.</p>			
7	<p>Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm (1.004232.000.00.00.H56)</p>	<p>45 ngày, cụ thể:</p> <p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định đề án: Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá).</p> <p>- Qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> (<i>Dịch vụ công trực tuyến toàn trình</i>)</p>	<p>Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất:</p> <p>- Đề án, báo cáo thiết kế giếng có lưu lượng dưới 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 300.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 200 đến dưới 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 800.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 500 đến dưới</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2023;</p> <p>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;</p>

		<p>trách nhiệm thẩm định đề án.</p> <p>- Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.</p>		<p>1000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 2.000.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 1000 đến dưới 3000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 3.500.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm 30% mức phí đến hết ngày 31/12/2025.</p>	<p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân.</p>
8	<p>Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm. (1.004228.000.00.00.H56)</p>	<p>38 ngày, cụ thể:</p> <p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo.</p> <p>- Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá).</p> <p>- Qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> (<i>Dịch vụ công trực tuyến toàn trình</i>)</p>	<p>Phí thẩm định: Mức thu phí thẩm định gia hạn, điều chỉnh bằng 50% mức cấp mới, cụ thể:</p> <p>- Đề án, báo cáo thiết kế giếng có lưu lượng dưới 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 150.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 200 đến dưới 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 400.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 500 đến dưới 1000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.000.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 1000 đến dưới 3000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.750.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính thông</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2023;</p> <p>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền</p>

				qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm 30% mức phí đến hết ngày 31/12/2025.	của Hội đồng nhân tỉnh.
9	Cấp giấy phép khai nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm (1.004223.000.00.00.H56)	45 ngày, cụ thể: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). - Qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> ( <i>Dịch vụ công trực tuyến toàn trình</i> )	Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất: - Đề án, báo cáo thiết kế giếng có lưu lượng dưới 200 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 300.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 200 đến dưới 500 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 800.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 500 đến dưới 1000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 2.000.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 1000 đến dưới 3000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 3.500.000 đồng/báo cáo. - Tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm 30% mức phí đến hết ngày 31/12/2025.	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh.
10	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có	38 ngày, cụ thể: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi,	Phí thẩm định: Mức thu phí thẩm định gia hạn, điều chỉnh bằng 50% mức cấp mới, cụ thể:	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày

	<p>quy mô dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm. (1.004211.000.00.00.H56)</p>	<p>hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo.</li> <li>- Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.</li> </ul>	<p>phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> (<i>Dịch vụ công trực tuyến toàn trình</i>)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề án, báo cáo thiết kế giếng có lưu lượng dưới 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 150.000 đồng/báo cáo.</li> <li>- Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 200 đến dưới 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 400.000 đồng/báo cáo.</li> <li>- Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 500 đến dưới 1000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.000.000 đồng/báo cáo.</li> <li>- Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 1000 đến dưới 3000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.750.000 đồng/báo cáo.</li> <li>- Tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm 30% mức phí đến hết ngày 31/12/2025.</li> </ul>	<p>16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh.</li> </ul>
11	<p>Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (1.004122.000.00.00.H56)</p>	<p>24 ngày, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.</li> <li>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn không quá 21 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá).</li> <li>- Qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> (<i>Dịch vụ công trực tuyến toàn trình</i>)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất: 1.000.000 đồng/báo cáo.</li> <li>- Tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm 30% mức phí đến hết ngày 31/12/2025.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tài nguyên nước năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;</li> </ul>

		<p>Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi thông báo nộp phí thẩm định cho tổ chức, cá nhân và thẩm định hồ sơ, cấp giấy phép.</p> <p>- Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, kiểm tra thực tế không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 14 ngày</p>			<p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh.</p>
12	<p>Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (2.001738.000.00.00.H56)</p>	<p>17 ngày, cụ thể:</p> <p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn không quá 14 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi thông báo nộp phí thẩm định cho tổ chức, cá nhân và thẩm định hồ sơ gia hạn, điều chỉnh giấy phép cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>- Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, kiểm tra thực</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá).</p> <p>- Qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)</p>	<p>- Phí thẩm định: 500.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm 30% mức phí đến hết ngày 31/12/2025.</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2023;</p> <p>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ</p>

		tế không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 05 ngày làm việc.			phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh.
13	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (1.004253.000.00.00.H56)	08 ngày làm việc, cụ thể: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, cấp lại giấy phép.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá). - Qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> ( <i>Dịch vụ công trực tuyến toàn trình</i> )	- Phí thẩm định: 300.000 đồng/báo cáo. - Tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm 30% mức phí đến hết ngày 31/12/2025.	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh.
14	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	26 ngày, cụ thể: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi,	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày



	(1.009669.000.00.00.H56)	<p>hồ sơ, Bộ phận một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>- Thời hạn thẩm định: Trong thời hạn 21 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện thì Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản thông báo cho chủ giấy phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi được bổ sung hoàn chỉnh là 15 ngày.</p>	<p>phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá).</p> <p>- Qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> (<i>Dịch vụ công trực tuyến toàn trình</i>)</p>		<p>16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p>
15	<p>Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành (2.001770.000.00.00.H56)</p>	<p>Theo thời gian giải quyết của hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước, trong đó:</p> <p>- 45 ngày (trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá).</p> <p>- Qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ:</p>	<p>Không quy định</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký,</p>

		cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước); - 38 ngày (trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước)	<a href="https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> ( <i>Dịch vụ công trực tuyến toàn trình</i> ).		cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
16	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (1.004283.000.00.00.H56)	21 ngày	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá). - Qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> ( <i>Dịch vụ công trực tuyến toàn trình</i> ).	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
17	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển. (1.011516.000.00.00.H56)	Trong thời hạn 14 ngày (Riêng với trường hợp công trình khai thác nước là hồ chứa, đập dâng thời hạn giải quyết thủ tục hành chính trong vòng 28 ngày).	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá). - Qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> ( <i>Dịch vụ công trực tuyến toàn trình</i> ).	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
18	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024) (1.004179.000.00.00.H56)	45 ngày, cụ thể: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định đề án: Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá). - Qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> ( <i>Dịch vụ công trực tuyến một phần</i> )	Phí thẩm định: - Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới 0,1 m <sup>3</sup> /s; hoặc để phát điện với công suất dưới 50 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 500m <sup>3</sup> /ngày đêm: 500.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,1 m <sup>3</sup> /s đến dưới 0,5 m <sup>3</sup> /s; hoặc để phát điện với công	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Nghị quyết 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của

		<p>- Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.</p>		<p>suất từ 50 kw đến dưới 200 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 3000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.500.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5 m<sup>3</sup>/s đến dưới 1 m<sup>3</sup>/s; hoặc để phát điện với công suất từ 200 kw đến dưới 1000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 20.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 4.000.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1 m<sup>3</sup>/s đến dưới 2 m<sup>3</sup>/s; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 kw đến dưới 2.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 50.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 6.000.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm 30% mức phí đến hết ngày 31/12/2025.</p>	<p>Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
--	--	--	--	--	--

19	<p>Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (1.004167.000.00.00.H56)</p>	<p>38 ngày, cụ thể: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định đề án: Trong thời hạn 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá). - Qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> (<i>Dịch vụ công trực tuyến toàn trình</i>)</p>	<p>Phí thẩm định: Mức thu phí thẩm định gia hạn, điều chỉnh bằng 50% mức mới, cụ thể: - Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới 0,1 m<sup>3</sup>/s; hoặc để phát điện với công suất dưới 50 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 250.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,1 m<sup>3</sup>/s đến dưới 0,5 m<sup>3</sup>/s; hoặc để phát điện với công suất từ 50 kw đến dưới 200 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 3000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 750.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5 m<sup>3</sup>/s đến dưới 1 m<sup>3</sup>/s; hoặc để phát điện với công suất từ 200 kw đến dưới 1000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 20.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 2.000.000 đồng/báo cáo.</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh.</p>
----	---	---	---	---	--

				<p>- Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1 m<sup>3</sup>/s đến dưới 2 m<sup>3</sup>/s; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 kw đến dưới 2.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 50.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 3.000.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm 30% mức phí đến hết ngày 31/12/2025.</p>	
20	<p>Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước. (1.011518.000.00.00.H56)</p>	<p>23 ngày, cụ thể: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá). - Qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> (<i>Dịch vụ công trực tuyến toàn trình</i>)</p>	<p>Không quy định</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p>

		định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 6 ngày làm việc.			
21	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (1.000824.000.00.00.H56)	<p>17 ngày, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</li> <li>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá).</li> <li>- Qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> (<i>Dịch vụ công trực tuyến toàn trình</i>)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với trường hợp cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: Mức thu phí cấp lại bằng 30% mức cấp mới, cụ thể: + Đề án, báo cáo thiết kế giếng có lưu lượng dưới 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 90.000 đồng/báo cáo. + Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 200 đến dưới 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 240.000 đồng/báo cáo. + Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 500 đến dưới 1000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 600.000 đồng/báo cáo. + Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 1000 đến dưới 3000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.050.000 đồng/báo cáo.</li> <li>- Đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m<sup>3</sup>/ ngày đêm: Mức thu phí cấp lại bằng 30% mức cấp mới:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tài nguyên nước năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;</li> <li>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh.</li> </ul>

				<p>+ Đề án, báo cáo thiết kế giếng có lưu lượng dưới 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 90.000 đồng/báo cáo.</p> <p>+ Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 200 đến dưới 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 240.000 đồng/báo cáo.</p> <p>+ Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 500 đến dưới 1000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 600.000 đồng/báo cáo.</p> <p>+ Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 1000 đến dưới 3000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.050.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển Mức thu phí cấp lại bằng 30% mức cấp mới:</p> <p>+ Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới 0,1 m<sup>3</sup>/s; hoặc để phát điện với công suất dưới 50 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm: 150.000 đồng/báo cáo.</p> <p>+ Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,1 đến dưới 0,5 m<sup>3</sup>/s; hoặc để</p>	
--	--	--	--	--	--

				<p>phát điện với công suất từ 50 đến dưới 200 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500 đến dưới 3000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 450.000 đồng/báo cáo.</p> <p>+ Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5 đến dưới 1 m<sup>3</sup>/s; hoặc để phát điện với công suất từ 200 đến dưới 1000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3000 đến dưới 20.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.200.000 đồng/báo cáo.</p> <p>+ Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1 đến dưới 2 m<sup>3</sup>/s; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 đến dưới 2.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 đến dưới 50.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.800.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm 30% mức phí đến hết ngày 31/12/2025.</p>	
22	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới	49 ngày, cụ thể:	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023;



	<p>hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện (2.001850.000.00.00.H56)</p>	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận được phương án đạt yêu cầu quy định, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có hồ chứa, các cơ quan, đơn vị có liên quan; nếu cần thiết thì tiến hành tổ chức kiểm tra thực địa, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa.</p>	<p>tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá).</p> <p>- Qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> (<i>Dịch vụ công trực tuyến toàn trình</i>)</p>		<p>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p>
23	<p>Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (1.001740.000.00.00.H56)</p>	<p>56 ngày</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá).</p> <p>- Qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a></p>	<p>Kinh phí tổ chức lấy ý kiến do tổ chức, cá nhân đầu tư dự án chi trả</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài</p>

			<i>(Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)</i>		nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
<b>B</b>	<b>CẤP HUYỆN</b>				
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực: Tài nguyên nước</b>				
1	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất (1.001662.000.00.00.H56)	14 ngày	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện. - Qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> <i>(Dịch vụ công trực tuyến toàn trình).</i>	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
2	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện) (1.001645.000.00.00.H56)	42 ngày		Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án chi trả	
<b>C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ</b>					
<b>I. Lĩnh vực: Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học</b>					
1	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích. (1.004082.000.00.00.H56)	Không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã. - Qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn">http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn</a> <i>(Dịch vụ công trực tuyến một phần)</i>	Không quy định	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung

					một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
--	--	--	--	--	---

**Phụ lục****BIỂU MỨC THU PHÍ KHAI THÁC, SỬ DỤNG THÔNG TIN DỮ LIỆU ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

**Căn cứ pháp lý:** Thông tư số 47/2024/TT-BTC ngày 10/7/2024 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ.

Số TT	Loại thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Số liệu của mạng lưới đo đạc quốc gia</b>			
1	Số liệu của mạng lưới tọa độ quốc gia			
1.1	Cấp 0	điểm	340.000	
1.2	Hạng I	điểm	250.000	
1.3	Hạng II	điểm	220.000	
1.4	Hạng III	điểm	200.000	Áp dụng cho cả các điểm địa chính cơ sở
2	Số liệu của mạng lưới độ cao quốc gia			
2.1	Hạng I	điểm	160.000	
2.2	Hạng II	điểm	150.000	
2.3	Hạng III	điểm	120.000	
3	Số liệu của mạng lưới trọng lực quốc gia			
3.1	Điểm cơ sở	điểm	200.000	
3.2	Hạng I	điểm	160.000	
3.3	Hạng II	điểm	140.000	
4	Ghi chú điểm tọa độ quốc gia, độ cao quốc gia, trọng lực quốc gia	tờ	20.000	
<b>II</b>	<b>Dữ liệu ảnh hàng không</b>			
1	Dữ liệu ảnh hàng không kỹ thuật số	file	250.000	
2	Dữ liệu ảnh hàng không quét từ tờ phim độ phân giải 16 µm	file	250.000	

Số TT	Loại thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
3	Dữ liệu ảnh hàng không quét từ tờ phim độ phân giải 20 µm	file	200.000	
4	Dữ liệu ảnh hàng không quét từ tờ phim độ phân giải 22 µm	file	150.000	
5	Bình đồ ảnh số tỷ lệ: 1:2.000; 1:5.000	mảnh	60.000	
6	Bình đồ ảnh số tỷ lệ: 1:10.000; 1:25.000; 1:50.000	mảnh	70.000	
<b>III</b>	<b>Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và hệ thống bản đồ địa hình quốc gia</b>			
1	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia			
1.1	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2.000	mảnh	400.000	<p>1. Nếu chọn lọc nội dung theo dữ liệu thành phần thì mức thu phí như sau:</p> <p>a) Các nhóm lớp dữ liệu: địa hình; dân cư; giao thông; thủy văn: thu bằng 1/6 mức thu phí nhân với hệ số 1,2.</p> <p>b) Các nhóm lớp dữ liệu: địa giới hành chính, biên giới quốc gia; lớp phủ bề mặt: thu bằng 1/6 mức thu phí.</p> <p>2. Nếu đã thu phí sử dụng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia thì không thu phí sử dụng bản đồ địa hình quốc gia định dạng số cùng tỷ lệ (chỉ áp dụng trong trường hợp khai thác theo mảnh và đủ 07 nhóm lớp dữ liệu).</p> <p>3. Trường hợp khai thác dữ liệu theo phạm vi địa lý thì thu bằng mức thu phí nhân với diện tích</p>
1.2	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:5.000	mảnh	500.000	
1.3	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:10.000	mảnh	850.000	
1.4	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ: 1:25.000; 1:50.000; 1:100.000	mảnh	1.500.000	
1.5	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ: 1:250.000; 1:500.000; 1:1.000.000	mảnh	8.000.000	

Số TT	Loại thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
				khu vực khai thác chia tổng diện tích các mảnh theo tỷ lệ tương ứng. (diện tích tối thiểu đề nghị khai thác bằng diện tích 01 mảnh bản đồ cùng tỷ lệ).
2	Hệ thống bản đồ địa hình quốc gia			
2.1	Bản đồ địa hình quốc gia in trên giấy			
a	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:10.000 và lớn hơn	mảnh	120.000	
b	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000	mảnh	130.000	
c	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:50.000	mảnh	140.000	
d	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:100.000 và nhỏ hơn	mảnh	170.000	
2.2	Bản đồ địa hình quốc gia định dạng dgn			
a	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000	mảnh	400.000	Nếu chọn lọc nội dung theo lớp dữ liệu thành phần thì mức thu phí như sau: 1. Nhóm lớp dữ liệu: địa hình; dân cư; giao thông; thủy văn: thu bằng 1/6 mức thu phí theo mảnh nhân với hệ số 1,2. 2. Nhóm lớp dữ liệu: địa giới hành chính, biên giới quốc gia; thực vật: thu bằng 1/6 mức thu phí theo mảnh.
b	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:5.000	mảnh	440.000	
c	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:10.000	mảnh	670.000	
d	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000	mảnh	760.000	
đ	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:50.000	mảnh	950.000	
e	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:100.000	mảnh	2.000.000	
g	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:250.000	mảnh	3.500.000	
h	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:500.000	mảnh	5.000.000	
i	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:1.000.000	mảnh	8.000.000	
2.3	Bản đồ địa hình quốc gia định dạng số (geoPDF, PDF, geoTIFF, TIFF, EPS, ECW, JPG)	mảnh	Mức thu phí bằng 50% bản đồ địa hình quốc gia	

Số TT	Loại thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
			định dạng dgn cùng tỷ lệ	
3	Mô hình số độ cao			
3.1	Mô hình số độ cao độ chính xác cao đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1:2.000; 1:5.000: kích thước pixel: 1 x 1 m cho DEM có độ chính xác từ 0,1 đến 0,3 m.	mảnh	200.000	
3.2	Mô hình số độ cao đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1:2.000; 1:5.000: - Kích thước pixel: 2 x 2 m cho DEM có độ chính xác từ 0,4 đến 0,5 m - Kích thước pixel: 4 x 4 m cho DEM có độ chính xác 1 m	mảnh	80.000	
3.3	Mô hình số độ cao đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1:10.000: - Kích thước pixel: 2,5 x 2,5 m cho DEM có độ chính xác từ 0,3 đến 0,5 m - Kích thước pixel: 5 x 5 m cho DEM có độ chính xác từ 0,5 đến 1,7 m	mảnh	170.000	
3.4	Mô hình số độ cao đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1:25.000: Kích thước pixel: 10 x 10 m cho DEM có độ chính xác từ 1,7 đến 3,3 m	mảnh	640.000	
3.5	Mô hình số độ cao đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1:25.000: Kích thước pixel: 20 x 20 m cho DEM có độ chính xác từ 3,3 đến 6,7 m	mảnh	75.000	
3.6	Mô hình số độ cao đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1:50.000: - Kích thước pixel: 5 x 5 m cho DEM có độ chính xác từ 0,5 đến 1,0 m - Kích thước pixel: 10 x 10 m cho DEM có độ chính xác từ 1 đến 2 m	mảnh	2.550.000	

Số TT	Loại thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
3.7	Mô hình số độ cao đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1:50.000: - Kích thước pixel: 25 x 25 m cho DEM có độ chính xác từ 2 đến 5 m - Kích thước pixel: 30 x 30 m cho DEM có độ chính xác từ 5 m trở lên	mảnh	300.000	
<b>IV</b>	<b>Bản đồ hành chính định dạng số</b>			
1	Bản đồ hành chính định dạng dgn, gdb			
1.1	Bản đồ hành chính Việt Nam	bộ	4.000.000	
1.2	Bản đồ hành chính cấp tỉnh	bộ	2.000.000	
1.3	Bản đồ hành chính cấp huyện	bộ	1.000.000	
2	Bản đồ hành chính định dạng geoPDF, PDF, geoTIFF, TIFF, EPS, ECW, JPG	Mức thu phí bằng 50% bản đồ hành chính định dạng dgn, gdb cùng tỷ lệ		
<b>V</b>	<b>Thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ trực tuyến qua môi trường mạng (định dạng WMS)</b>			
1	Bản đồ hành chính Việt Nam	01 năm/ tài khoản	100.000	
2	Bản đồ nền chiết xuất từ cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ: 1:250.000; 1:500.000; 1:1.000.000	01 năm/ tài khoản	2.400.000	
3	Bản đồ nền chiết xuất từ cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ: 1:25.000; 1:50.000; 1:100.000	01 năm/ tài khoản	6.600.000	Gồm các dữ liệu: biên giới, địa giới; dân cư; giao thông; thủy văn.
<b>VI</b>	<b>Thông tin dữ liệu thu nhận từ mạng lưới trạm định vị vệ tinh quốc gia</b>			
1	Dữ liệu đo động thời gian thực	01 tháng/máy thu	750.000	Áp dụng tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã chêm



Số TT	Loại thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
		06 tháng/máy thu	4.280.000	dày trạm định vị vệ tinh quốc gia theo quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ.
		12 tháng/máy thu	6.750.000	
2	Dữ liệu GNSS tính 24 giờ	trạm/ngày	220.000	Gồm: Giá trị tọa độ, độ cao của trạm.